

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2017

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

*** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Sơn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Thanh Hải** - Hiệu trưởng Trường THCS Võ Việt Tân.

2. Bà **Phạm Thị Phụng** - Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã Cai Lay.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Cảnh** – Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Liễu** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh **Võ Văn K**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Trung Thị Lệ Tr**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn K trình bày:* Do quen biết trước anh K và Chị Tr được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào đầu năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 25/5/2009. Sau khi cưới về sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2009 cho đến nay. Nay anh K yêu cầu xin được ly hôn với Chị Tr vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 01 con tên Võ Thành Ngh, sinh ngày 12/8/2008 hiện do anh K nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn thì anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ngh, không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Chị Trung Thị Lệ Tr vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có tờ tự khai ghi ngày 18/5/2017 gửi cho Tòa án có ý kiến trình bày:* Về quan hệ hôn nhân Chị Tr xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay và Chị Tr cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh K. Về con chung đồng ý giao cháu Ngh cho anh K nuôi dưỡng, Chị Tr không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, cho anh Võ Văn K được ly hôn với Chị Trung Thị Lệ Tr; về con chung tiếp tục giao cháu Võ Thành Ngh, sinh ngày 12/8/2008 cho anh K nuôi dưỡng theo yêu cầu anh K; về tài sản chung và nợ chung anh K và Chị Tr không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn anh Võ Văn K:* Yêu cầu xin được ly hôn với Chị Trung Thị Lệ Tr. Xét thấy, anh K và Chị Tr về sống chung với nhau vào đầu năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 25/5/2009. Trong quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ Cuối năm 2009 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh K vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với Chị Tr, vì cho rằng vợ chồng ly thân đã lâu nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Còn Chị Tr thì vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến gửi cho Tòa án cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh K. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía Chị Tr đến để hòa giải về việc anh K xin ly hôn với Chị Tr. Nếu như về tình cảm vợ chồng Chị Tr muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì Chị Tr phải đến Tòa án để gặp anh K để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có đoàn tụ hàn gắn lại được hay không, nhưng phía Chị Tr không đến, thể hiện Chị Tr không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với anh K. Hơn nữa, giữa anh K và Chị Tr đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2009 đến nay đã trên 07 năm, nhưng không đoàn tụ lại được và Chị Tr cũng có ý kiến đồng ý ly hôn anh K. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh K và Chị Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K và cho anh Võ Văn K được ly hôn với Chị Trung Thị Lệ Tr.

- Về con chung: Có 01 con tên Võ Thành Ngh, sinh ngày 12/8/2008. Nếu ly hôn thì anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ngh, không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Ngh hiện do anh K nuôi dưỡng từ khi anh K và Chị Tr ly thân nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, Chị Tr cũng đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng và qua tham khảo lời khai của cháu Ngh cũng có nguyện vọng xin được ở với anh K khi anh K và Chị Tr ly hôn nhau; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở giao cháu Võ Thành Ngh cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía anh K không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh K khai không có, còn Chị Tr có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết; nếu sau này Chị Tr cho rằng vợ chồng có tài sản chung và có tranh chấp với nhau, thì Chị Tr được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Anh Võ Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

- Việc vắng mặt bị đơn Chị Trung Thị Lệ Tr. Xét thấy, Chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn Chị Tr.

Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí .

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn K. Cho anh Võ Văn K được ly hôn với Chị Trung Thị Lệ Tr.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thành Ngh, sinh ngày 12/8/2008 cho anh K nuôi dưỡng, Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do phía anh K chưa có yêu cầu; Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Võ Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000651 ngày 28/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên anh K đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chị Trung Thị Lệ Tr thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Thanh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Phan Thanh Sơn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 15 phút, ngày 25 tháng 7 năm 2017

Tại: trụ sở TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

****Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Hải** - Hiệu trưởng Trường THCS Võ Việt Tân.

2. Bà **Phạm Thị Phụng** - Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về "tranh chấp xin ly hôn" giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Võ Văn K**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trung Thị Lệ Tr, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh Bình, xã Thanh Hòa, thò xã Cai Laäy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử đã thảo luận, biểu quyết: thống nhất 3/3

Áp dụng khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn K. Cho anh Võ Văn K được ly hôn với Chị Trung Thị Lệ Tr.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thành Ngh, sinh ngày 12/8/2008 cho anh K nuôi dưỡng, Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do phía anh K chưa có yêu cầu; Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Võ Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000651 ngày 28/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên anh K đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chị Trung Thị Lệ Tr thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 35 phút, ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

